

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 – 6 – 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thạch Thị Sà Phải.

2/ Ông Lê Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P; Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 166 ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh S (bà P vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông Châu Văn H; Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 306 ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S (ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà với ông Châu Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 2007, cũng trong năm 2007, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L (Nay là huyện T), tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 02

tháng 02 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống ở nhà cha mẹ ruột ông H tại số 306 ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà P đã nhiều lần khuyên nhủ ông H không được làm như thế vì đang có vợ con nhưng ông H vẫn không nghe. Ông H nói là không còn yêu thương bà P nữa và kêu bà P làm đơn ly hôn. Hai người đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2020. Nay bà P thấy hôn nhân của bà và ông H không thể cứu vãn, bà không còn tình cảm với ông H nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Trong quá trình chung sống, bà P với ông H có một con chung là Châu Văn L, sinh ngày 16/12/2004 đang sống với bà P.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Châu Văn H.
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Châu Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Châu Văn H không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 69/TB-TLVA ngày 17 tháng 3 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Châu Văn H nhưng ông Châu Văn H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Châu Văn H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Châu Văn H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P ly hôn với ông Châu Văn H. Về con chung: Giao cháu Châu Văn L cho Bà P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông Châu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị P và ông Châu Văn H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn Bà P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn Ông H mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà P và ông H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Châu Văn H, yêu cầu được nuôi cháu Châu Văn L và không yêu cầu ông Châu Văn H cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P với ông Châu Văn H là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Châu Văn H là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Châu Văn L trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu L. Xét thấy, từ khi bà P và ông H không còn chung sống với nhau thì cháu L do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. bà P có đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà P không yêu cầu nên ông H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà P trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà P trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà P yêu cầu nên bà P phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.
- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được quyền ly hôn với ông Châu Văn H.
- Về con chung: Giao cháu Châu Văn L, sinh ngày 16/12/2004 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Châu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Châu Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Châu Văn H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Châu Văn H. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017 0005942 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Nguyễn Thị P đã nộp xong án phí.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã Đ, h T; tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân